

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Số: 03/SAVINA/CV/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Sách Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam:

- Mã chứng khoán: VNB
- Địa chỉ: Số 44 phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
- Email:
- Website: <https://www.savina.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 4/ năm 2024

- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối

với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/01/2025 tại đường dẫn: <https://savina.com.vn/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Quý 4/24

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Lê Phương*





## CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/SAVINA/CV/2025

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC Quý 4 năm 2024

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
- Mã chứng khoán : VNB
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Lê Phương
- Loại thông tin công bố: Định kỳ
- Nội dung của thông tin công bố:

- Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Xem Bản giải trình biến động Kết quả Kinh doanh Báo cáo Tài chính Quý 4/2024 dưới đây:

Mã số	Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Chênh lệch	Tỷ lệ %
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.567.088.208	9.028.906.060	(461.817.852)	-5%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	8.567.088.208	9.028.906.060	(461.817.852)	-5%
11	4. Giá vốn hàng bán	5.551.636.052	5.735.042.300	(183.406.248)	-3%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	3.015.452.156	3.293.863.760	(278.411.604)	-8%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.896.445.934	26.683.216.825	3.213.229.109	12%
22	7. Chi phí tài chính	4.537.500	9.796.262	(5.258.762)	-54%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	1.850.390.596	1.640.233.547	210.157.049	13%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.840.017.759	5.610.123.116	229.894.643	4%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	25.216.952.235	22.716.927.660	2.500.024.575	11%
31	11. Thu nhập khác	29.816.181	13.301.471	16.514.710	124%
32	12. Chi phí khác				
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	29.816.181	13.301.471	16.514.710	124%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	25.246.768.416	22.730.229.131	2.516.539.285	11%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.032.902.832	4.539.063.570	493.839.262	11%
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	20.213.865.584	18.191.165.561	2.022.700.023	11%

***Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên:***

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế Quý 4 năm 2024 là: 20,214 triệu đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 461,8 triệu đồng, giá vốn giảm 183,4 triệu đồng nên lợi nhuận gộp giảm 278,4 triệu đồng, tương đương giảm 8%.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 3.213,2 triệu đồng, tương đương tăng 12%.
- Chi phí tài chính giảm 5,3 triệu đồng, tương đương giảm 54%.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 440 triệu đồng, tương đương tăng 6%.
- Chi phí thuế TNDN tăng 493 triệu đồng, tương đương tăng 11%.

8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Lê Phương*



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2024



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
Thông tin chung	2
Báo cáo của Ban giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

## **THÔNG TIN CHUNG**

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 04 năm 2016; thay đổi lần thứ 4 vào ngày 19 tháng 07 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty là kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên
Ông Trần Lê Phương	Thành viên

### **BAN KIỂM SOÁT**

Bà Nguyễn Hồng Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Trần Lê Phương	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 14/07/2023
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 18/06/2021

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Lê Phương.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

## **CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



**Trần Lê Phương**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Đơn vị tính: VND*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>347.162.799.367</b>	<b>1.033.693.852.164</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>2.798.764.488</b>	<b>1.878.162.904</b>
111	1. Tiền		2.798.764.488	1.878.162.904
112	2. Các khoản tương đương tiền			
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.2.1</b>	<b>111.500.000.000</b>	<b>138.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		111.500.000.000	138.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>V.3</b>	<b>223.535.142.376</b>	<b>882.655.690.055</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3.1	1.674.702.150	1.704.543.760
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.856.255	
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.3.2	210.000.000.000	827.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.3.3	11.853.583.971	53.951.146.295
137	5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.4</b>	<b>9.328.892.503</b>	<b>10.659.999.205</b>
141	1. Hàng tồn kho		11.315.385.007	12.367.398.948
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.986.492.504)	(1.707.399.743)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>			
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>783.551.879.415</b>	<b>22.138.339.461</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>V.5</b>	<b>762.596.808.215</b>	<b>135.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5.1	727.000.000.000	
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5.2	35.596.808.215	135.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>V.6</b>	<b>3.247.495.102</b>	<b>3.574.454.196</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6.1	3.247.495.102	3.574.454.196
222	- Nguyên giá		18.236.069.546	18.310.069.546
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14.988.574.444)	(14.735.615.350)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.6.2		
228	- Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(231.467.000)	(231.467.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.7</b>	<b>6.953.591.677</b>	<b>7.637.551.513</b>
231	- Nguyên giá		33.453.922.441	33.453.922.441
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(26.500.330.764)	(25.816.370.928)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>V.8</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.000.000.000	6.000.000.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>V.2.2</b>	<b>4.322.500.000</b>	<b>4.322.500.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.322.500.000	4.322.500.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>V.9</b>	<b>431.484.421</b>	<b>468.833.752</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		431.484.421	468.833.752
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>1.130.714.678.782</b>	<b>1.055.832.191.625</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		28.399.229.318	28.621.196.732
310	I. Nợ ngắn hạn	V.10	27.799.229.318	28.302.196.732
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10.1	5.795.977.970	7.759.151.181
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10.2	39.535.725	30.835.431
313	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	V.10.3	19.294.482.261	17.638.464.491
314	4. Phải trả người lao động		769.721.410	745.901.236
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.10.4	289.333.334	271.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.10.5	1.104.028.618	1.069.855.764
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.10.6	506.150.000	786.988.629
330	II. Nợ dài hạn	V.11	600.000.000	319.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		600.000.000	319.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.102.315.449.464	1.027.210.994.893
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.12	1.102.315.449.464	1.027.210.994.893
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(160.500.000)	(160.500.000)
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		351.555.197.880	276.450.743.309
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		276.450.743.309	207.645.489.045
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		75.104.454.571	68.805.254.264
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		1.130.714.678.782	1.055.832.191.625

  
Nguyễn Thị Minh  
Người lập  
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

  
Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Lê Phương  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Lũy kế 12 tháng năm 2024	Lũy kế 12 tháng năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.567.088.208	9.028.906.060	31.735.598.766	34.199.250.366
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	VI.1	8.567.088.208	9.028.906.060	31.735.598.766	34.199.250.366
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	5.551.636.052	5.735.042.300	18.568.443.920	20.209.185.955
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		3.015.452.156	3.293.863.760	13.167.154.846	13.990.064.411
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	29.896.445.934	26.683.216.825	108.873.992.545	99.120.787.542
22	7. Chi phí tài chính		4.537.500	9.796.262	40.988.814	76.595.442
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	1.850.390.596	1.640.233.547	6.123.116.923	5.892.373.359
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	5.840.017.759	5.610.123.116	21.902.306.969	21.153.379.628
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		25.216.952.235	22.716.927.660	93.974.734.685	85.988.503.524
31	11. Thu nhập khác	VI.6	29.816.181	13.301.471	100.822.933	139.068.125
32	12. Chi phí khác					
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		29.816.181	13.301.471	100.822.933	139.068.125



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Quý 4 năm 2024

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4 năm 2024	Quý 4 năm 2023	Lũy kế 12 tháng năm 2024	Lũy kế 12 tháng năm 2023
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		25.246.768.416	22.730.229.131	94.075.557.618	86.127.571.649
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.7	5.032.902.832	4.539.063.570	18.971.103.047	17.322.317.385
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		20.213.865.584	18.191.165.561	75.104.454.571	68.805.254.264
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.8	298	268	1.106	1.013
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		298	268	1.106	1.013



*[Signature]*

*[Signature]*

*[Signature]*

Nguyễn Thị Minh  
Người lập  
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng

Trần Lê Phương  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		94.075.557.618	86.127.571.649
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		1.010.918.930	1.012.425.576
03	Các khoản dự phòng		279.092.761	11.174.731
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(108.871.502.062)	(99.084.280.716)
08	Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.505.932.753)	(11.933.108.760)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		19.685.355	606.152.770
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.052.013.941	(3.276.784.436)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(1.912.962.344)	1.726.566.942
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		37.349.331	(146.260.876)
15	- Thuế TNDN đã nộp		(17.280.108.117)	(8.703.372.521)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(31.589.954.587)	(21.726.806.881)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(267.000.000.000)	(749.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		184.000.000.000	685.500.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		115.510.556.171	74.245.099.550
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		32.510.556.171	10.245.099.550
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		920.601.584	(11.481.707.331)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.878.162.904	13.359.870.235
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		2.798.764.488	1.878.162.904



Nguyễn Thị Minh  
Người lập  
Ngày 20 tháng 01 năm 2025



Đặng Xuân Ánh  
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương  
Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Thông tin doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016; thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 07 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 53 người (ngày 31/12/2023: 55 người).

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

*(Tiếp theo)*

doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## **2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

## **3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

# **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

## **1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

## **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm sách, văn hóa phẩm, nguyên vật liệu ...

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**6. Khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	26 - 39	năm
Các công trình kiến trúc khác	10 - 20	năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19	năm
Phương tiện vận tải	5 - 12	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8	năm
Phần mềm máy tính	5	năm
Bản quyền	4 - 8	năm

**7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Nhà cửa	26 – 39	năm
Máy móc, thiết bị	5 - 19	năm

Tài sản cố định hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016. Tỷ lệ phân bổ theo diện tích cho thuê trên tổng diện tích.

**8. Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

**9. Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

**10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

*(Tiếp theo)*

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **13. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **14. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán sách và văn hóa phẩm*

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cho thuê bất động sản*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

**15. Thuế*****Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:



*(Tiếp theo)*

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Tiền mặt	75.102.632	191.801.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.723.661.856	1.686.361.301
<b>Tổng</b>	<b>2.798.764.488</b>	<b>1.878.162.904</b>

**2. Đầu tư tài chính**

**2.1 - Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	111.500.000.000	111.500.000.000	138.500.000.000	138.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>111.500.000.000</b>	<b>111.500.000.000</b>	<b>138.500.000.000</b>	<b>138.500.000.000</b>

**2.2 - Đầu tư tài chính dài hạn**

*Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty cổ phần in Sách Việt Nam

- Giá gốc khoản đầu tư

- Dự phòng

- Giá trị hợp lý

**Tổng**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	4.322.500.000	4.322.500.000
	-	-
	4.322.500.000	4.322.500.000
<b>Tổng</b>	<b>4.322.500.000</b>	<b>4.322.500.000</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

**3.1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng

Trong đó:

- Công ty cổ phần in Sách Việt Nam

- Tổng công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Vạn Xuân

Các đối tượng khác

**Tổng**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	1.674.702.150	1.704.543.760
	524.528.524	515.568.310
	355.943.700	309.609.000
	794.229.926	879.366.450
<b>Tổng</b>	<b>1.674.702.150</b>	<b>1.704.543.760</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

**3.2 - Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	210.000.000.000	210.000.000.000	827.000.000.000	827.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>827.000.000.000</b>	<b>827.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản cho một số doanh nghiệp vay, thời hạn cho vay dưới 1 năm với lãi suất 12%/năm.

**3.3 - Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Phải thu ngắn hạn khác	11.853.583.971	53.951.146.295
<i>Trong đó phải thu ngắn hạn:</i>		
<i>Phải thu lãi cho vay</i>	<i>9.596.712.329</i>	<i>51.596.712.327</i>
<i>Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng</i>	<i>1.625.027.741</i>	<i>2.007.640.067</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>631.843.901</i>	<i>346.793.901</i>
<b>Tổng</b>	<b>11.853.583.971</b>	<b>53.951.146.295</b>

**4. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>
Hàng hóa	11.315.385.007	9.328.892.503	12.367.398.948	10.659.999.205
<b>Tổng</b>	<b>11.315.385.007</b>	<b>9.328.892.503</b>	<b>12.367.398.948</b>	<b>10.659.999.205</b>

**5. Phải thu về cho vay dài hạn****5.1 - Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá đánh giá lại</b>
Phải thu về cho vay dài hạn (*)	727.000.000.000	727.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>727.000.000.000</b>	<b>727.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản cho một số doanh nghiệp vay, thời hạn cho vay &gt;1 năm với lãi suất 12%/năm.

**5.2 - Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Ký quỹ, đặt cọc dài hạn khác	135.000.000	135.000.000
Phải thu lãi cho vay dài hạn	35.461.808.215	-
<b>Tổng</b>	<b>35.596.808.215</b>	<b>135.000.000</b>

**6. Tài sản cố định****6.1 - Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	14.232.330.283	913.524.181	3.164.215.082	<b>18.310.069.546</b>
Giảm trong kỳ			(74.000.000)	<b>(74.000.000)</b>
Số cuối kỳ	14.232.330.283	913.524.181	3.090.215.082	<b>18.236.069.546</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				-
Số đầu kỳ	10.665.409.437	913.524.181	3.156.681.732	<b>14.735.615.350</b>
KH trong kỳ	319.425.744		7.533.350	<b>326.959.094</b>
Giảm trong kỳ			(74.000.000)	<b>(74.000.000)</b>
Số cuối kỳ	10.984.835.181	913.524.181	3.090.215.082	<b>14.988.574.444</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				-
Số đầu kỳ	3.566.920.846	-	7.533.350	<b>3.574.454.196</b>
Số cuối kỳ	3.247.495.102	-	-	<b>3.247.495.102</b>

**6.2 - Tài sản cố định vô hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
<b>Giá trị hao mòn trong kỳ</b>	
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
<b>Giá trị còn lại</b>	

**7. Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	30.132.659.562	-	3.321.262.879	<b>33.453.922.441</b>
Số cuối kỳ	30.132.659.562	-	3.321.262.879	<b>33.453.922.441</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	22.495.108.049	-	3.321.262.879	<b>25.816.370.928</b>
KH trong kỳ	683.959.836	-	-	<b>683.959.836</b>
Số cuối kỳ	23.179.067.885	-	3.321.262.879	<b>26.500.330.764</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	7.637.551.513	-	-	<b>7.637.551.513</b>
Số cuối kỳ	6.953.591.677	-	-	<b>6.953.591.677</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giải phóng mặt bằng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

**9. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí trả trước dài hạn	121.450.276	134.015.377
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	298.461.044	329.480.044
Chi phí sửa chữa	11.573.101	5.338.331
Chi phí trả trước dài hạn khác	431.484.421	468.833.752
<b>Tổng</b>	<b>431.484.421</b>	<b>468.833.752</b>

**10. Nợ ngắn hạn**

10.1 – Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	5.795.977.970	5.795.977.970	7.759.151.181	7.759.151.181
Trong đó				
Cambridge University Press	624.300.945	624.300.945	1.492.188.280	1.492.188.280
Các đối tượng khác	5.171.677.025	5.171.677.025	6.266.962.901	6.266.962.901
<b>Tổng</b>	<b>5.795.977.970</b>	<b>5.795.977.970</b>	<b>7.759.151.181</b>	<b>7.759.151.181</b>

**10.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
Người mua trả tiền trước	39.535.725	30.835.431
<b>Tổng</b>	<b>39.535.725</b>	<b>30.835.431</b>

**10.3 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau

	31/12/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	01/01/2024
Thuế TNDN	18.965.249.979	18.971.103.047	17.280.108.117	17.274.255.049
Thuế thu nhập cá nhân	46.846.840	204.562.255	191.008.566	33.293.151
Thuế GTGT phải nộp	281.350.250	1.159.141.952	1.205.940.017	328.148.315
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế GTGT hàng NK	-	41.894.923	41.894.923	-
Thuế, phí khác	1.035.192	966.427.783	968.160.567	2.767.976
<b>Tổng</b>	<b>19.294.482.261</b>	<b>21.346.129.960</b>	<b>19.690.112.190</b>	<b>17.638.464.491</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

**10.4 - Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi phí trích trước

**Tổng****31/12/2024****01/01/2024**

289.333.334

271.000.000

**289.333.334****271.000.000****10.5 - Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu hoãn lại, chưa thực hiện

**Tổng****31/12/2024****01/01/2024**

1.104.028.618

1.069.855.764

**1.104.028.618****1.069.855.764****10.6 - Phải trả ngắn hạn khác**

Kinh phí công đoàn

Phải trả khác

Đặt cọc ngắn hạn

**Tổng****31/12/2024****01/01/2024**

-

19.897.273

8.550.000

32.991.356

497.600.000

734.100.000

**506.150.000****786.988.629****11. Nợ dài hạn**

Phải trả dài hạn khác

Đặt cọc thuê văn phòng, quầy hàng

**Tổng****31/12/2024****01/01/2024**

600.000.000

319.000.000

**600.000.000****319.000.000****12. Vốn chủ sở hữu***a - Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>679.099.600.000</b>	<b>71.821.151.584</b>	<b>(160.500.000)</b>	<b>276.450.743.309</b>	<b>1.027.210.994.893</b>
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	75.104.454.571	<b>75.104.454.571</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>679.099.600.000</b>	<b>71.821.151.584</b>	<b>(160.500.000)</b>	<b>351.555.197.880</b>	<b>1.102.315.449.464</b>

*b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ đông nhà nước - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần

Cổ đông khác

**31/12/2024****01/01/2024**

67.909.960.000

67.909.960.000

443.642.740.000

443.642.740.000

167.546.900.000

167.546.900.000

**679.099.600.000****679.099.600.000**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý IV/ 2024</b>	<b>Quý IV/ 2023</b>
Doanh thu bán hàng sách và văn hóa phẩm	4.876.585.073	5.436.830.121
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.690.503.135	3.592.075.939
<b>Tổng</b>	<b>8.567.088.208</b>	<b>9.028.906.060</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý IV/ 2024</b>	<b>Quý IV/ 2023</b>
Giá vốn của hàng bán sách và văn hóa phẩm	4.101.153.771	4.323.352.522
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	1.450.482.281	1.411.689.778
	<b>5.551.636.052</b>	<b>5.735.042.300</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý IV/ 2024</b>	<b>Quý IV/ 2023</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	281.750.000	342.125.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.273.654.842	1.700.215.115
Lãi cho vay	28.341.041.092	24.640.876.710
<b>Tổng</b>	<b>29.896.445.934</b>	<b>26.683.216.825</b>
<b>4. Chi phí bán hàng</b>	<b>Quý IV/ 2024</b>	<b>Quý IV/ 2023</b>
Chi phí nhân viên	1.753.035.468	1.472.587.322
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.873.934	12.995.067
Chi phí bảo hành	6.406.500	6.323.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.855.894	129.254.568
Chi phí bằng tiền khác	13.218.800	19.073.550
<b>Tổng</b>	<b>1.850.390.596</b>	<b>1.640.233.547</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý IV/ 2024</b>	<b>Quý IV/ 2023</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.628.766.178	1.373.037.130
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.628.459	54.001.013
Chi phí khấu hao TSCĐ	80.609.789	82.116.435
Thuế, phí và lệ phí	155.734.133	178.294.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.897.460.292	3.887.350.839
Chi phí bằng tiền khác	19.818.908	35.323.214
<b>Tổng</b>	<b>5.840.017.759</b>	<b>5.610.123.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Quý IV/ 2024</b>	<b>Quý IV/ 2023</b>
Thu nhập khác	29.816.181	13.301.471
<b>Tổng</b>	<b>29.816.181</b>	<b>13.301.471</b>

<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Quý IV/ 2024</b>	<b>Quý IV/ 2023</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.032.902.832	4.539.063.570
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.032.902.832</b>	<b>4.539.063.570</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	<b>Quý IV/ 2024</b>	<b>Quý IV/ 2023</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	20.213.865.584	18.191.165.561
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ phiếu phổ thông</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>20.213.865.584</b>	<b>18.191.165.561</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	67.909.960	67.909.960
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>298</b>	<b>268</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	3.012.572.376	2.958.811.092
		Tiền thuê đã thu	3.138.210.930	3.071.905.194
		Chi phí in sách	249.200.000	1.055.278.182
		Tiền in sách đã trả	269.136.000	1.209.490.000
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	661.518.825	47.368.572
		Tiền đã thu	679.689.380	49.721.400
CN HCM - Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	150.216.908	78.756.236
		Tiền đã thu	157.672.030	82.498.540
CN Hải Phòng - Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	185.497.999	-
		Tiền đã thu	194.610.675	-
Công ty TNHH giáo dục và đào tạo VinAcademy	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán sách	-	129.603.565
		Tiền đã thu	-	135.615.800
Công ty cổ phần đầu tư Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn từ 20/01/2024	Lãi phải thu từ cho vay	7.463.013.699	4.931.506.849
		Tiền lãi đã thu từ cho vay	12.394.520.548	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**B09-DN**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i>
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà	524.528.524	515.568.310
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán sách	14.201.250	-
			<b>538.729.774</b>	<b>515.568.310</b>

***Phải thu về cho vay ngắn hạn***

Công ty Cổ phần đầu tư Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn từ ngày 20/01/2024	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	100.000.000.000
			-	<b>100.000.000.000</b>

***Phải thu ngắn hạn khác***

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khác	631.843.901	346.793.901
Công ty Cổ phần đầu tư Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn từ ngày 20/01/2024	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	4.931.506.849
			<b>631.843.901</b>	<b>5.278.300.750</b>

**2. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng****Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty**

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A và 22B Hai Bà Trưng, 50A Hàng Bài (đều ở thành phố Hà Nội) làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê đất nêu trên đã hết hạn, và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại huyện Đông Anh và phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội. Theo chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty tiếp tục sử dụng hai khu đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.



**3. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh

Người lập

Ngày 20 tháng 01 năm 2025



Đặng Xuân Ánh

Kế toán trưởng



Trần Lê Phương

Tổng Giám đốc

